Văn phòng Thành ủy
24.04.2023 13:38:55 +07:00

THÀNH UỶ HẢI PHÒNG * Số 979-QĐ/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Hải Phòng, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUY ĐỊNH
về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và các quy định có liên quan;

- Căn cứ Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XVI;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Thành uỷ,

Ban Thường vụ Thành ủy quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử; tái cử; từ chức, miễn nhiệm; chỉ định, điều động và biệt phái cán bộ.

2. Văn bản này áp dụng đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị thành phố.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và Thành ủy bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ của hệ thống chính trị; đánh giá cán bộ khách quan, công tâm; lựa chọn và bố trí đúng cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý

cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý cán bộ

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

1.1. Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ quyết định chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thông qua các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan của Đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố.

1.2. Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ lãnh đạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt thành phố, các ngành, các cấp.

1.3. Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ phân công, phân cấp công tác quản lý cán bộ, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho các cấp uỷ, tổ chức đảng; đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các tổ chức đảng, các ngành, các cấp trong Đảng bộ thành phố.

2. Bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung, dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2.1. Những vấn đề về chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật cán bộ phải do cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

2.3. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp ủy cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 4. Nội dung quản lý cán bộ

1. Phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đánh giá cán bộ.

3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

4. Tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; cho thôi giữ chức vụ, thôi tham gia cấp ủy; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ.

5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ; đi công tác, học tập, đi việc riêng ở trong nước và nước ngoài đối với cán bộ.

7. Kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố thực hiện định hướng và quyết định những chủ trương, vấn đề hệ trọng về công tác cán bộ và cán bộ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

2. Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt thành phố, quận, huyện, ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố và tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ; đồng thời phân công, phân cấp cho các cấp ủy, tổ chức đảng quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung đối với các chức danh cán bộ khác.

3. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ đang công tác, sinh hoạt đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

4. Trường hợp một người đồng thời được giao đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất của người đó xem xét, quyết định.

5. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ chính sách theo quy định, cho từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết

định của Trung ương về công tác cán bộ và cán bộ tại thành phố.

2. Lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị, bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương.

3. Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nhân sự tại chỗ ứng cử các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.

4. Căn cứ quy định của Trung ương, quyết định số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Bộ Chính trị.

5. Bầu Uỷ viên Ban Thường vụ Thành uỷ, Bí thư, Phó Bí thư Thành uỷ; bầu Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ.

6. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; chuẩn bị nhân sự Thành uỷ khóa mới.

7. Giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân thành phố bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố; tham gia ý kiến về nhân sự Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố trước khi Ban Thường vụ Thành uỷ quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân thành phố bầu; tham gia ý kiến về nhân sự Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố để Ban Thường vụ Thành ủy giới thiệu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

8. Ủy nhiệm cho Ban Thường vụ Thành ủy quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ tại thành phố.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Thành ủy

1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Thành uỷ, Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

2. Trên cơ sở đề nghị của đồng chí Bí thư và Thường trực Thành ủy, thảo luận và quyết định:

2.1. Đánh giá, xếp loại hằng năm; tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ. Quyết định, thẩm tra, xác minh, kết luận và bố trí cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý có vấn đề chính trị cần xem xét.

2.2. Chuẩn bị nhân sự để Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố xem xét, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố; chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành; giới thiệu nhân sự để Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố bầu Ủy viên Ban Thường vụ Thành uỷ.

2.3. Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư công tác tại thành phố. Cho ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về các địa phương, cơ quan, đơn vị (nếu có) khi có yêu cầu của Trung ương.

2.4. Xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố trước khi quyết định giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

2.5. Cho chủ trương trước khi trình Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Bộ Chính trị.

2.6. Phê duyệt phương án nhân sự đại hội các đảng bộ trực thuộc, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

3. Quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo (nơi không có ban cán sự đảng, đảng đoàn) trực thuộc hệ thống chính trị thành phố.

4. Quyết định số lượng cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; cho ý kiến về số lượng cấp phó các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ thành phố.

6. Tham gia ý kiến với Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng, Đảng uỷ Quân khu 3 về đánh giá, quy hoạch, bố trí, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, phong, thăng quân hàm cấp tướng (nếu có) khi có yêu cầu đối với Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng; Chính uỷ, Phó Chính uỷ Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc Công an thành phố.

Tham gia ý kiến với Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao về đánh giá, quy hoạch, bố trí, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân thành phố.

7. Cho ý kiến về cơ cấu đại biểu Quốc hội thành phố; số lượng, cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; giới thiệu cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

8. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

9. Quyết định về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài đối với đoàn công tác cấp thành phố.

10. Định kỳ báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về công tác cán bộ theo Quy chế làm việc của Thành uỷ.

Điều 8. Ban Thường vụ Thành uỷ uỷ quyền một số việc sau đây

1. Ủy quyền cho Thường trực Thành ủy (Bí thư và các Phó Bí thư Thành ủy)

1.1. Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ về cán bộ và công tác cán bộ.

1.2. Quyết định thẩm tra những cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý khi có vấn đề phải xem xét về tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính trị và một số vấn đề quan trọng khác về cán bộ (bằng cấp, học hàm, học vị, độ tuổi, tài sản, thu nhập,…) để Ban Thường vụ Thành uỷ, Thành uỷ xem xét, kết luận. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý không có vấn đề phải xem xét về chính trị.

1.3. Quản lý chung về cơ cấu, số lượng, chất lượng, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện chính sách đối với đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý.

1.4. Thực hiện các nội dung quản lý cán bộ thuộc danh mục chức danh được Ban Thường vụ Thành ủy uỷ quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

1.5. Cho chủ trương thực hiện quy trình tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, cho thôi giữ chức, nghỉ hưu trước tuổi, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh thuộc diện Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy quản lý trước khi trình Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy cho ý kiến theo phân cấp.

1.6. Nhận xét đánh giá đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

1.7. Trên cơ sở đề nghị của đồng chí Bí thư Thành ủy, thảo luận và quyết định: Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác; giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ diện Thành ủy quản lý; điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền quyết định.

1.8. Cho ý kiến về bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ thuộc quyền quản lý của đảng đoàn, ban cán sự đảng các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức quần chúng đối với các trường hợp mà các tổ chức đảng thấy cần phải xin ý kiến Thường trực Thành ủy trước khi quyết định.

1.9. Chỉ đạo các cơ quan chức năng hướng dẫn công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước.

1.10. Chỉ đạo tổ chức tuyển chọn đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý để trình Ban Thường vụ Thành ủy quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước để phục vụ yêu cầu về công tác cán bộ.

1.11. Tham gia ý kiến với ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cơ quan Trung ương về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với cấp trưởng, cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc đang công tác và sinh hoạt đảng tại Đảng bộ thành phố (trừ cấp trưởng, cấp phó Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Thành ủy).

1.12. Định hướng nhân sự đại hội các đảng bộ trực thuộc Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố. Phê duyệt phương án, đề án nhân sự đại hội các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội đặc thù).

1.13. Quyết định việc thực hiện chế độ và chính sách tiền lương đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý

a) Thường trực Thành ủy quyết định: Bổ nhiệm, xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng 1 sau khi có ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương; nâng bậc lương trước thời hạn cho cán bộ, công chức hưởng ngạch lương chuyên viên cao cấp và tương đương; nâng bậc lương thường xuyên, thâm niên vượt khung hằng năm đối với ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

b) Uỷ quyền đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ quyết định: Thực hiện chính sách tiền lương theo quy định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý thuộc các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính

trị - xã hội thành phố; chi trợ cấp khó khăn, ốm đau, bệnh tật, hỗ trợ tổ chức lễ tang, phúng viếng đối với các đối tượng cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng Tám năm 1945 và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý theo quy định (trừ trường hợp đặc biệt vượt mức quy định); cử cán bộ dự thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương; danh mục, vị trí việc làm các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố và quận, huyện.

c) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố quyết định: Thực hiện chính sách tiền lương; cử cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương đối với cán bộ, công chức diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý thuộc khối chính quyền, doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập thành phố và các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội đặc thù).

1.14. Chuẩn y kết quả bầu cử ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, uỷ viên uỷ ban kiểm tra của cấp ủy trực thuộc Thành ủy; chỉ định bổ sung và cho thôi ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên đảng đoàn, ủy viên ban cán sự đảng theo đề nghị của cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Thành ủy theo quy định của Điều lệ Đảng.

1.15. Cho ý kiến về việc đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, kỷ luật thẩm phán của Tòa án nhân dân thành phố.

1.16. Quyết định cử, đề cử người đại diện phần vốn nhà nước tham gia hội đồng thành viên, hội đồng quản trị và giữ chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc) tại các doanh nghiệp mà nhà nước góp vốn có vốn điều lệ từ 20 triệu USD trở lên (có bên nước ngoài tham gia góp vốn); có vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng trở lên (chỉ có các bên trong nước tham gia góp vốn). Cử người đại diện phần vốn của Thành ủy tại các doanh nghiệp có vốn góp của Thành ủy và bố trí cán bộ quản lý doanh nghiệp tại các doanh nghiệp Thành ủy nắm giữ 100% vốn điều lệ.

1.17. Quyết định về việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng (trong nước, ngoài nước):

a) Thường trực Thành ủy quyết định đối với cán bộ diện Thành ủy quản lý (quy định tại mục I, mục II, Phụ lục 1).

b) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ quyết định việc đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý ở khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

c) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành

phố quyết định việc đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý ở khối chính quyền.

1.18. Quyết định về việc đi việc riêng, đi công tác, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài; chữa bệnh đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý:

a) Thường trực Thành ủy cho ý kiến về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở nước ngoài; chữa bệnh đối với các chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

b) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ cho ý kiến về việc chữa bệnh theo phân cấp quản lý tài chính đối với các chức danh còn lại. Cho ý kiến về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở nước ngoài đối với các chức danh còn lại đang công tác ở khối đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

c) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho ý kiến về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở nước ngoài đối với các chức danh còn lại đang công tác ở khối chính quyền (trừ các chức danh thuộc hội đồng nhân dân).

1.19. Quyết định việc đi công tác, đi việc riêng trong nước ngoài thành phố và nghỉ phép

Cấp ủy, cơ quan, đơn vị khi tổ chức đoàn công tác từ 03 người trở lên (không bao gồm lái xe) đi công tác trong nước ngoài thành phố từ 03 ngày làm việc trở lên phải báo cáo (bằng văn bản) cấp thẩm quyền quản lý.

Cán bộ đi công tác từ 03 ngày làm việc trở lên, đi việc riêng trong ngày làm việc trong nước ngoài thành phố và nghỉ phép phải báo cáo (bằng văn bản) cấp thẩm quyền quản lý (trừ trường hợp đi công tác theo giấy triệu tập, giấy mời của cơ quan Trung ương, cơ quan ngành dọc cấp trên và giấy mời của các địa phương, cơ quan, đơn vị ngoài thành phố phải báo cáo cho người có thẩm quyền theo phân cấp). Riêng đối với bí thư, phó bí thư các đảng bộ doanh nghiệp nhà nước, đơn vị phối quản trực thuộc ngành dọc cấp trên thực hiện theo quy định của ngành. Người đứng đầu khi đi công tác, nghỉ phép phải phân công cán bộ điều hành, giải quyết công việc của cấp ủy, cơ quan, đơn vị mình. Không bố trí đồng thời bí thư cấp ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện đi công tác cùng một thời điểm (trường hợp đặc biệt phải báo cáo Bí thư Thành ủy xem xét, quyết định). Trường hợp đột xuất, phải báo cáo bằng điện thoại và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

a) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ cho ý kiến đối với đoàn công tác có người đứng đầu tham gia và cá nhân người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở khối đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố;

bí thư quận ủy, huyện ủy, đảng ủy khối và bí thư đảng ủy chuyên trách trực thuộc Thành ủy.

b) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho ý kiến đối với đoàn công tác có người đứng đầu tham gia và cá nhân Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện, chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội đặc thù).

1.20. Cho ý kiến về các hình thức khen thưởng: Huân chương (các loại), các danh hiệu cấp thành phố; quyết định tặng Bức trướng của Thành ủy. Cho ý kiến hiệp y theo đề nghị của các cơ quan Trung ương về việc khen thưởng đối với tập thể và cá nhân thuộc diện Thành ủy phối hợp quản lý.

1.21. Chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe và chính sách cán bộ; tổ chức tang lễ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo đúng chế độ, chính sách quy định.

1.22. Gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khi thấy cần thiết.

1.23. Cho ý kiến về việc giao cấp phó là cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý chịu trách nhiệm phụ trách điều hành công việc của cấp ủy, cơ quan, đơn vị khi khuyết cấp trưởng.

1.24. Cho ý kiến về việc giới thiệu cán bộ đương chức diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tham gia các chức danh lãnh đạo (chủ tịch, phó chủ tịch) các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội có tính chất đặc thù) và các hội cấp thành phố hoạt động theo quy định của pháp luật; tham gia các tiểu ban, ban chỉ đạo cấp Trung ương và các tổ chức liên địa phương, liên vùng theo yêu cầu nhiệm vụ.

1.25. Quyết định công nhận người hoạt động cách mạng trước tháng Tám, năm 1945.

1.26. Thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đã thôi giữ chức vụ hiện đang cư trú tại thành phố theo sự uỷ nhiệm của Trung ương.

1.27. Thay mặt Ban Thường vụ Thành uỷ giải quyết công việc về công tác cán bộ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố và những công việc được Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền. Chuẩn bị báo cáo những vấn đề về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ. Đối với một số trường hợp do yêu cầu về công tác cán bộ phải giải quyết ngay thì được quyết định và phải báo cáo Ban Thường vụ Thành uỷ tại hội nghị gần nhất.

1.28. Quyết định hoặc cho ý kiến về việc chuyển công tác đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

1.29. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức chung giữa khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với khối chính quyền địa phương.

2. Ủy quyền đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở nước ngoài; nghỉ phép, đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở trong nước ngoài thành phố đối với đoàn công tác và cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đang công tác tại Hội đồng nhân dân thành phố, chủ tịch hội đồng nhân dân các quận, huyện (trừ chức danh bí thư kiêm chủ tịch hội đồng nhân dân quận, huyện).

3. Ủy quyền cho người đứng đầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị cho ý kiến về việc tổ chức đoàn công tác (ngoài diện quy định tại tiết a, b, điểm 1.19, khoản 1, khoản 2, Điều 8, Quy định này); cấp phó của người đứng đầu và tương đương trở xuống đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng trong nước ngoài thành phố và nghỉ phép theo quy định.

4. Quá trình thực hiện các nội dung theo uỷ quyền trên, ý kiến kết luận của các đồng chí được ủy quyền (Phó Bí thư Thường trực Thành ủy; Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố) khi gửi đến các cấp ủy, cơ quan, đơn vị để thực hiện thì đồng thời gửi đồng chí Bí thư Thành ủy để báo cáo; nếu có vướng mắc, phức tạp hoặc khi xét thấy cần thiết thì tập thể, cá nhân được ủy quyền xin ý kiến Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy trước khi quyết định.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của các quận ủy, huyện ủy

1. Ban chấp hành đảng bộ

1.1. Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền.

1.2. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành uỷ về việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại địa phương.

1.3. Trình Ban Thường vụ Thành ủy nhân sự tại chỗ giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp mình; xem xét, giới thiệu nhân sự đề nghị bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ quận ủy, huyện ủy.

1.4. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương và Thành uỷ, thảo luận, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra; điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy được

xác định theo quy định của Trung ương và Ban Thường vụ Thành ủy. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; bầu ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra quận ủy, huyện ủy.

1.5. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ quận, huyện; chuẩn bị và giới thiệu nhân sự bầu vào ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo chủ chốt quận, huyện khóa mới.

1.6. Giới thiệu nhân sự ứng cử chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện để hội đồng nhân dân bầu; tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện trước khi ban thường vụ quận ủy, huyện ủy quyết định giới thiệu để hội đồng nhân dân quận, huyện bầu.

1.7. Ủy quyền cho ban thường vụ quận ủy, huyện uỷ quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ tại địa phương.

1.8. Thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

2. Ban thường vụ quận uỷ, huyện uỷ

2.1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí ủy viên ban thường vụ quận ủy, huyện ủy; ủy viên ban chấp hành đảng bộ quận, huyện.

2.2. Quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với cấp uỷ các cơ quan, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, ban, ngành, xã, phường, thị trấn thuộc quận, huyện.

2.3. Trên cơ sở đề nghị của đồng chí bí thư và thường trực quận ủy, huyện ủy, thảo luận và quyết định:

a) Tuyển chọn, đánh giá, bố trí, phân công công tác; đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ được phân cấp quản lý.

b) Trình Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ quận ủy, huyện ủy; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện.

2.4. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định, thẩm tra, xác minh, kết luận và bố trí cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý có vấn đề chính trị cần xem xét và một số vấn đề khác (tuổi, bằng cấp, học hàm, học vị, tài sản, thu nhập,…) theo quy định và xem xét, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ theo thẩm quyền.

2.5. Chuẩn bị nhân sự để quận ủy, huyện ủy xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy giới thiệu ứng cử các chức danh: bí thư, phó bí thư quận ủy, huyện ủy; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Chuẩn bị nhân sự đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy kiện toàn ủy viên ban thường vụ quận ủy, huyện ủy; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện.

2.6. Cho ý kiến phê duyệt phương án nhân sự và chỉ đạo việc tổ chức đại hội các tổ chức đảng trực thuộc.

2.7. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc quận ủy, huyện ủy.

2.8. Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo của cấp ủy trực thuộc. Chỉ định bổ sung uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, đảng uỷ, chi uỷ trực thuộc.

2.9. Tham gia ý kiến với cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan thành phố về quy hoạch, nhận xét đánh giá, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo của tổ chức theo ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại quận, huyện.

2.10. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Gợi ý kiểm điểm và chỉ đạo việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị theo phân cấp quản lý cán bộ.

2.11. Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ diện ban thường vụ quận ủy, huyện ủy quản lý theo quy định.

2.12. Đề nghị Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ về quy hoạch, bố trí, phân công công tác, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ công tác tại quận, huyện thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành uỷ.

2.13. Quyết định thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của pháp luật đến ngạch chuyên viên đối với cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của địa phương (nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn) theo qui định; đề nghị bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng.

2.14. Căn cứ vào biên chế đã phân bổ được quyền tiếp nhận, điều động đối với cán bộ là công chức các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (trừ tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp) trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn chức danh cán bộ. Trường hợp những người đã từng là cán bộ, công chức cấp huyện trở lên sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân

chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.15. Chỉ đạo công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng uỷ Quân sự, Đảng uỷ Công an, Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng thành phố

1. Chịu trách nhiệm trước Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ về việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với các đồng chí uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên ban chấp hành đảng bộ.

3. Chuẩn y ban chấp hành, bí thư, phó bí thư các chi bộ trực thuộc; ban thường vụ, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các uỷ viên uỷ ban kiểm tra các đảng bộ trực thuộc; chỉ định bổ sung uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy các đảng bộ trực thuộc; khi cần thiết chỉ định bí thư, phó bí thư đảng bộ, chi bộ trực thuộc. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy theo quy định Điều lệ Đảng.

4. Chủ trì, phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ quận ủy, huyện uỷ về chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng, chính trị viên, chính trị viên phó ban chỉ huy quân sự quận, huyện; trưởng, phó công an quận, huyện; đồn trưởng, phó đồn trưởng; chính trị viên, chính trị viên phó đồn biên phòng trên địa bàn.

5. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

6. Thực hiện các quy định về công tác cán bộ của Quân ủy Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng, Đảng ủy Quân khu 3.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của đảng ủy khối và đảng ủy cấp trên cơ sở

1. Lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách

2. Quyết định đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; quyết định, thẩm tra, xác minh, kết luận và bố trí cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý có vấn đề chính trị cần xem xét; thực

hiện chế độ, chính sách theo thẩm quyền quản lý, theo phân cấp quản lý cán bộ.

3. Ban thường vụ đảng uỷ chuẩn y ban chấp hành, ủy ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc đảng uỷ; chỉ định bổ sung uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ tổ chức đảng trực thuộc.

4. Khi có yêu cầu của Ban Tổ chức Thành ủy, đảng ủy khối phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy có liên quan thẩm định, tham gia ý kiến về quy hoạch, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với cán bộ công tác và sinh hoạt đảng trong đảng bộ khối.

5. Giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư, nhân sự bổ sung uỷ viên thường vụ, cấp uỷ viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, uỷ viên uỷ ban kiểm tra đảng uỷ; chuẩn bị nhân sự khóa mới.

5.1. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy theo quy định Điều lệ Đảng.

5.2. Xét, đề nghị kỷ luật cấp uỷ viên, uỷ viên uỷ ban kiểm tra đảng uỷ, theo quy định của Điều lệ Đảng.

6. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của đảng ủy cơ sở trực thuộc Thành ủy

1. Quyết định quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư, nhân sự bổ sung uỷ viên ban thường vụ, cấp uỷ viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, uỷ viên uỷ ban kiểm tra đảng uỷ; chuẩn bị nhân sự khóa mới.

3. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy theo quy định Điều lệ Đảng.

4. Thực hiện các nội dung khác về cán bộ và công tác cán bộ theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo đơn vị (nơi không có ban cán sự đảng, đảng đoàn) và Ban Thường vụ Thành đoàn

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy,

Thường trực Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

1.2. Thực hiện các nội dung về quản lý cán bộ trong phạm vi phụ trách đối với các chức danh cán bộ được phân cấp quản lý.

1.3. Theo đề nghị của Bí thư Ban cán sự đảng, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố, thảo luận và quyết định:

a) Tuyển chọn, bố trí, phân công công tác, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cho thôi giữ chức vụ, cách chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý; quyết định cử, đề cử người đại diện phần vốn nhà nước tham gia hội đồng thành viên, hội đồng quản trị và giữ chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc) tại các doanh nghiệp mà nhà nước góp vốn có vốn điều lệ dưới 20 triệu USD (có bên nước ngoài tham gia góp vốn); có vốn điều lệ dưới 300 tỷ đồng (chỉ có các bên trong nước tham gia góp vốn). Trên cơ sở đó, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền.

b) Đề xuất với Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, giới thiệu ứng cử, tái cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ trong bộ máy chính quyền, đơn vị sự nghiệp nhà nước thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành uỷ.

1.4. Quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với khối chính quyền, sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Uỷ ban nhân dân thành phố.

1.5. Tham gia ý kiến với các cơ quan, đơn vị Trung ương về cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị ngành dọc cấp dưới đóng trên địa bàn mà tổ chức đảng không thuộc Đảng bộ thành phố.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

1.2. Đề xuất với Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ trong bộ máy Hội đồng

nhân dân thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành ủy.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội và một số hội ở thành phố (có thành lập đảng đoàn); Ban Thường vụ Thành đoàn

3.1. Lãnh đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ Thành uỷ và cấp trên về cán bộ, công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

3.2. Trên cơ sở ý kiến đề xuất của người đứng đầu, thảo luận và quyết định:

a) Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

b) Đề nghị về quy hoạch, bố trí, phân công công tác, nhận xét, đánh giá; chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, giới thiệu ứng cử, tái cử, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ của tổ chức mình thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ.

4. Ban cán sự đảng hoặc tập thể lãnh đạo đơn vị (nơi không có ban cán sự đảng, đảng đoàn)

4.1. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách; thực hiện các nội dung về quản lý cán bộ theo phân cấp quản lý.

4.2. Trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng cơ quan, thảo luận và quyết định:

a) Tuyển chọn, đánh giá, bố trí, phân công công tác, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, giới thiệu ứng cử, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện thực hiện, chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý.

b) Kiến nghị về quy hoạch, tuyển chọn, bố trí, phân công công tác, nhận xét, đánh giá, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, giới thiệu ứng cử, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh cán bộ công tác của ngành thuộc quyền cấp trên trực tiếp quyết định.

4.3. Chủ trì, phối hợp trao đổi ý kiến với ban thường vụ quận ủy, huyện ủy về bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ cấp trưởng, cấp phó của các tổ chức ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng trên địa bàn quận, huyện.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Tổ chức Thành ủy

1. Là cơ quan tham mưu của Thành ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về chủ trương chính sách cán bộ và công tác cán bộ; hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quyết định của Ban Thường vụ Thành uỷ.

2. Tổng hợp, theo dõi đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý; phối hợp với các cấp uỷ đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Thành uỷ và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành uỷ giúp Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng các chức danh thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành uỷ và cán bộ thuộc diện quy hoạch để đảm nhiệm các chức danh này.

3. Trình Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy các vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ theo phân cấp quản lý.

Thẩm định đề nghị của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cấp uỷ trực thuộc Thành uỷ, lãnh đạo các sở, ban, ngành đoàn thể và tương đương về nhận xét, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, giới thiệu cán bộ ứng cử và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ; cử cán bộ tham gia liên doanh, đi công tác, học tập, đi việc riêng ở nước ngoài; chuẩn bị các văn bản, quyết định để trình Thường trực Thành uỷ ban hành.

4. Hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Trung ương và Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành uỷ.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành uỷ và các cơ quan có liên quan thẩm định nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy; tùy theo chức danh cán bộ, gửi văn bản xin ý kiến Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân thành phố, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố, các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan; tổng hợp để trình Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành uỷ xem xét, quyết định.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành uỷ theo dõi, kiểm tra, tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm một số chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ.

7. Thẩm định, trình Thường trực Thành ủy phê duyệt đề án vị trí việc làm,

khung năng lực và danh mục vị trí việc làm các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, quận, huyện.

8. Tổng hợp danh sách cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý, cán bộ, công chức khối các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cử dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương, báo cáo Thường trực Thành uỷ xem xét, quyết định.

9. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ (cả đương chức và nghỉ hưu). Hướng dẫn thống nhất việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, đảng viên; quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; cơ sở dữ liệu đảng viên trong Đảng bộ thành phố. Hướng dẫn, kiểm tra, thẩm tra, xác minh về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo quy định.

10. Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ và quản lý cán bộ định kỳ hoặc đột xuất đối với các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của thành phố.

11. Trên cơ sở đề nghị của cấp ủy trực thuộc Thành ủy và Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy thẩm định trình Thường trực Thành ủy chuẩn y kết quả bầu cử chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Thành ủy.

12. Phối hợp Văn phòng Thành ủy và các cơ quan liên quan triển khai các quyết định của Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ đối với cán bộ khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

13. Tham gia ý kiến với các cơ quan, đơn vị Trung ương về cán bộ lãnh đạo các đơn vị đóng trên địa bàn, sinh hoạt đảng tại địa phương, thuộc thẩm quyền quyết định của ngành dọc Trung ương (trừ diện Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ cho ý kiến).

14. Thực hiện một số nội dung được Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền:

14.1. Triển khai ý kiến chỉ đạo của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ về công tác cán bộ để các ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp uỷ trực thuộc và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định.

14.2. Thẩm định, rà soát tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đối với các trường hợp không có vấn đề về chính trị.

14.3. Thông báo ý kiến của Thường trực Thành uỷ đối với cán bộ thuộc diện

Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ quản lý đi công tác, học tập, đi việc riêng ở nước ngoài. Quyết định cử cán bộ cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố không thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý đi công tác nước ngoài có sử dụng ngân sách thành phố.

14.4. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế của hệ thống chính trị thành phố trình Ban Thường vụ Thành ủy. Thông báo số lượng biên chế công chức, viên chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố sau khi có quyết định phân bổ biên chế của cấp có thẩm quyền. Quản lý biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

14.5. Ký quyết định tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển; tiếp nhận vào làm công chức) vào cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố sau khi có ý kiến của Thường trực Thành ủy thông báo kết quả của Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

Quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố bảo đảm quy định.

14.6. Quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức từ cơ quan Trung ương và tỉnh, thành phố khác, lực lượng vũ trang vào công tác trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý). Quyết định chuyển cán bộ, công chức ra khỏi cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố đối với trường hợp chuyển đi cơ quan Trung ương và tỉnh, thành phố khác (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý).

14.7. Quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với cán bộ, công chức trúng tuyển trong các kỳ thi nâng ngạch: Chuyên viên chính hoặc tương đương, chuyên viên hoặc tương đương (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý). Quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương, chuyển ngạch công chức (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố bảo đảm quy định.

14.8. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, xếp lương, chuyển ngạch chuyên viên chính và tương đương đối với cán bộ, công chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý).

14.9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định và xác nhận kết quả quy hoạch; thông báo kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ đối với các chức danh

cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

14.10. Giải quyết một số chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ theo sự uỷ quyền của Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy và Văn phòng Thành uỷ

1. Kiến nghị, đề xuất Thành ủy, Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ bố trí, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, cách chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền trực tiếp quyết định của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành uỷ trong lĩnh vực công tác liên quan; kiểm tra, giám sát, kiến nghị Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành ủy xem xét những quyết định không đúng quan điểm, đường lối, chính sách, quy định đối với cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

2. Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát và tham gia thẩm định nhân sự để cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm đối với các chức danh theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy thẩm định nhân sự quy hoạch, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử đối với các chức danh thuộc thẩm quyền trực tiếp quyết định của Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ quản lý; trình Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy về kỷ luật cán bộ theo quy định.

5. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy chủ trì, phối hợp Ban Tổ chức Thành ủy trình Ban Thường vụ Thành ủy về dự kiến nhân sự kiện toàn chủ nhiệm ủy ban kiểm tra; cho chủ trương về nhân sự kiện toàn phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp ủy trực thuộc Thành ủy.

6. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy trực tiếp chuẩn bị và phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy về nhân sự Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; giới thiệu để Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố bầu theo nhiệm kỳ và bầu bổ sung khi cần. Trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

7. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy tiếp nhận, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập; xác minh tài sản, thu nhập của cán bộ diện Thành ủy quản lý theo quy định.

8. Các ban, cơ quan của Thành uỷ thực hiện nội dung quản lý cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý. Căn cứ vào biên chế được phân bổ, được quyền tiếp nhận cán bộ là công chức các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội (trừ ở tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp), bảo đảm tiêu chuẩn cán bộ, vị trí việc làm, không vi phạm các tiêu chuẩn chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ.

Quyết định và thực hiện chính sách lương đến ngạch chuyên viên (nâng bậc lương, xếp bậc lương, nâng bậc lương trước thời hạn, ...).

Điều 16. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

1. Nội dung quản lý

Cán bộ khi còn đang công tác thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (trừ trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Bí thư, Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) phải được Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy và cấp ủy, cơ quan, đơn vị xem xét cho ý kiến về những vấn đề sau:

- Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp; thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; người đứng đầu hội và các tổ chức (không bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội, tổ chức); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), giám đốc (tổng giám đốc) doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

- Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

- Đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn nước ngoài, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế tặng.

2. Phân cấp quản lý

2.1. Ban Thường vụ Thành ủy báo cáo, đề nghị Ban Bí thư cho ý kiến đối với chức danh nguyên Bí thư Thành ủy.

2.2. Ban Thường vụ Thành ủy cho ý kiến đối với các chức danh sau: Nguyên Phó Bí thư Thành ủy, nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, nguyên Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

2.3. Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền:

a) Thường trực Thành ủy cho kiến đối với các chức danh: Nguyên Ủy viên

Thành ủy, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, nguyên Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

b) Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố cho ý kiến đối với các chức danh: Nguyên cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Quản lý Khu Kinh tế; lãnh đạo các hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ (trừ chức danh nguyên Ủy viên Thành ủy).

c) Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến đối với các chức danh: Nguyên cấp trưởng, cấp phó các ban Hội đồng nhân dân thành phố và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố (trừ chức danh nguyên Ủy viên Thành ủy).

d) Lãnh đạo các ban, cơ quan Thành ủy; đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Thành đoàn cho ý kiến đối với các chức danh: Nguyên cấp trưởng, cấp phó các ban cơ quan Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố (trừ chức danh nguyên Ủy viên Thành ủy, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy).

đ) Ban thường vụ các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy cho ý kiến đối với các chức danh khi còn công tác thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tại địa phương, cơ quan, đơn vị (trừ chức danh nguyên Ủy viên Thành ủy).

Điều 17. Quy trình, thủ tục nghỉ hưu đúng tuổi đối với cán bộ diện Thành ủy quản lý

1. Ban hành thông báo nghỉ hưu

Trước 6 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cấp ủy, cơ quan, đơn vị được phân cấp dưới đây phải ban hành thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu để cơ quan, đơn vị liên quan và cán bộ, công chức biết và gặp mặt cán bộ nghỉ hưu để sắp xếp, giải quyết công việc liên quan (nếu có).

1.1. Thường trực Thành ủy ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố; cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội thành phố; bí thư các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy khối; bí thư đảng ủy chuyên trách trực thuộc Thành ủy.

1.2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Trưởng ban, Phó Trưởng ban chuyên trách, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; chủ tịch hội đồng nhân dân chuyên trách, phó chủ tịch hội đồng nhân dân cấp huyện (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy).

1.3. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương thuộc khối chính quyền; chủ tịch ủy ban nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy); lãnh đạo các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội đặc thù) theo quy định.

1.4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy). Ủy ban Kiểm tra Thành ủy ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

1.5. Ban thường vụ các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy khối ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Phó bí thư, ủy viên ban thường vụ quận ủy, huyện ủy, đảng ủy khối. Đảng ủy Khu Kinh tế Hải Phòng ban hành thông báo nghỉ hưu đối với đồng chí phó bí thư chuyên trách.

2. Ban hành quyết định nghỉ hưu

Trước 3 tháng đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cấp ủy, cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức theo phân cấp quản lý ban hành quyết định về việc nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức theo đúng quy định.

2.1. Thường trực Thành ủy ban hành quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Ủy viên Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố; cấp trưởng, cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy và tương đương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ quận ủy, huyện ủy, đảng ủy khối; bí thư, phó bí thư đảng ủy chuyên trách trực thuộc Thành ủy.

2.2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quyết định nghỉ hưu đối với: Trưởng ban, Phó Trưởng ban chuyên trách; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; chủ tịch hội đồng nhân dân chuyên trách, phó chủ tịch hội đồng nhân dân cấp huyện (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy là lãnh đạo các ban, cơ quan của Hội đồng nhân dân thành phố).

2.3. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định nghỉ hưu đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý còn lại công tác ở khối chính quyền (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy là lãnh đạo các cơ quan khối chính quyền); chủ tịch ủy ban nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; lãnh đạo các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội đặc thù) theo quy định.

3. Trao quyết định nghỉ hưu

Trước thời điểm nghỉ hưu của cán bộ cấp ủy, cơ quan, đơn vị tổ chức gặp mặt và trao quyết định nghỉ hưu đối với cán bộ.

3.1. Thường trực Thành ủy gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

3.2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Trưởng ban, Phó Trưởng ban chuyên trách; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố.

3.3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương thuộc khối chính quyền; cấp trưởng các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội đặc thù) theo quy định.

3.4. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy phụ trách các đảng bộ, địa phương, cơ quan đơn vị gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Bí thư quận ủy, huyện ủy, đảng ủy khối, cấp trưởng các cơ quan, đơn vị được giao phụ trách.

3.5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

3.6. Ban thường vụ các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy khối gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Phó bí thư, ủy viên ban thường vụ quận ủy, huyện ủy, đảng ủy khối. Đảng ủy Khu Kinh tế Hải Phòng gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với đồng chí phó bí thư chuyên trách.

Chương III

BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 18. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp uỷ, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Không xem xét bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử khi chưa có kết luận về chính trị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

4. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, phong, thăng quân hàm đối với cán bộ, đảng viên đang bị xem xét, xử lý kỷ luật.

5. Kể từ khi người đứng đầu có thông báo nghỉ hưu, nghỉ chờ hưu hoặc thông báo chuyển công tác của cấp có thẩm quyền, cấp ủy, tổ chức đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị phải báo cáo bằng văn bản và phải được cấp trên trực tiếp đồng ý trước khi thực hiện quy trình công tác cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp.

Điều 19. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ. Trường hợp cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý giữ chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc cấp mình quản lý thì không phải xin chủ trương của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

3. Cá nhân, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình. Cụ thể:

- Cá nhân, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập… và ý kiến đề xuất của mình.

- Cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ và các cơ quan liên quan: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, đề xuất nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Đảng và cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định; không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với

nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 2 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh.

5. Độ tuổi: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào vị trí lãnh đạo, quản lý (cao hơn) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn một nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Tuổi của cán bộ tính theo giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực); nếu không có giấy khai sinh thì tính theo lý lịch đảng viên gốc có xác nhận của cấp ủy có thẩm quyền.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao (theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền).

7. Cán bộ bị kỷ luật thì không phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức vụ cao hơn chức vụ khi bị kỷ luật trong khoảng thời gian như sau (tính từ ngày ký quyết định kỷ luật):

- 12 tháng đối với hình thức kỷ luật Khiển trách.

- 30 tháng đối với hình thức kỷ luật Cảnh cáo.

- 60 tháng đối với hình thức kỷ luật Cách chức.

Điều 21. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm (60 tháng) đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp nhà nước.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử căn cứ vào nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đó.

4. Thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp và được thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan.

Điều 22. Thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý

1. Đối với việc kiện toàn các chức danh: Ủy viên Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra (chuyên trách), Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và cán bộ chủ chốt cấp thành phố.

Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của thành phố, thực hiện các công việc sau:

1.1. Đối với việc kiện toàn Ủy viên Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra (chuyên trách), Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy còn thiếu so với quy định thì Ban Thường vụ Thành ủy chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

1.2. Đối với việc kiện toàn các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng:

Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện các công việc sau:

a) Ban hành văn bản trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể đối với cán bộ đề nghị giới thiệu ứng cử (nếu có).

b) Sau khi có chủ trương đồng ý của cấp có thẩm quyền, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, Thành ủy thực hiện quy trình nhân sự theo quy định. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì Ban Thường vụ Thành ủy có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến.

2. Đối với việc kiện toàn cán bộ của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị

Căn cứ nhu cầu công tác, lãnh đạo các ban, sở, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc thành phố; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội (có thành lập đảng đoàn) ở thành phố; Ban Thường vụ Thành đoàn, tập thể thường trực các hội (không thành lập đảng đoàn) ở thành phố; ban thường vụ hoặc ban chấp hành đảng bộ các quận, huyện, các đảng bộ trực thuộc Thành ủy (sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo) thực hiện theo các bước sau:

2.1. Trình Thường trực Thành ủy (bằng văn bản) về chủ trương, số lượng, dự kiến phân công công tác đối với cán bộ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Thường trực Thành ủy xem xét, cho ý kiến và ủy nhiệm cho Ban Tổ chức Thành ủy thông báo chủ trương về công tác cán bộ.

2.2. Sau khi có chủ trương của Thường trực Thành ủy, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện quy trình nhân sự trong thời gian không quá 15 ngày làm việc. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy

trình nhân sự thì các cấp ủy, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét, cho ý kiến.

2.3. Đề xuất nhân sự cụ thể

2.4. Thẩm định nhân sự

a) Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị làm tờ trình, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử gửi Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy (qua Ban Tổ chức Thành ủy) để thẩm định nhân sự.

b) Không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo đúng quy định (Phụ lục 3), Ban Tổ chức Thành ủy gửi văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ nhân sự) xin ý kiến thẩm định các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan. Ban Tổ chức Thành ủy và các cơ quan liên quan thẩm định nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định, đề xuất của mình.

c) Ban Tổ chức Thành ủy xin ý kiến thẩm định của các cơ quan, cá nhân liên quan:

- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố: Đối với các chức danh lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện; lãnh đạo các sở, ngành và tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định; lãnh đạo các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội đặc thù).

- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố: Đối với các chức danh Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, lãnh đạo các ban Hội đồng nhân dân thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; lãnh đạo Hội đồng nhân dân các quận, huyện theo quy định.

- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy: Đối với tất cả nhân sự là đảng viên thuộc Đảng bộ thành phố.

- Ban Nội chính Thành ủy: Đối với các chức danh cán bộ khối cơ quan nội chính.

- Ban Tuyên giáo Thành ủy: Đối với các chức danh cán bộ khối văn hóa - xã hội, cơ quan báo chí; Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật thành phố, Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật thành phố.

- Ban Dân vận Thành uỷ: Đối với các chức danh cán bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đảng uỷ Khối các cơ quan thành phố, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp thành phố, các đảng bộ trực thuộc Thành ủy: Đối với cán bộ là đảng viên thuộc Đảng bộ.

- Đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành uỷ: Đối với chức danh cán bộ thuộc đảng bộ được phân công phụ trách.

* Đối với các chức danh theo quy định phải xin ý kiến hiệp y của các cơ quan Trung ương: Thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban Tổ chức Thành ủy. Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Tổ chức Thành ủy để biết, theo dõi nhưng không quá 15 ngày làm việc.

đ) Không quá 10 ngày làm việc, Ban Tổ chức Thành ủy thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ nhân sự, tổng hợp đầy đủ các ý kiến về nhân sự và làm tờ trình báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy; báo cáo rõ về đề nghị bổ nhiệm, ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan và đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy.

2.5. Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định về nhân sự theo chương trình công tác của Thường trực Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ; thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Tổ chức Thành uỷ (trong trường hợp không tổ chức họp Thường trực Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ thì có thể xin ý kiến bằng văn bản để bảo đảm tiến độ theo quy trình).

2.6. Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Thường trực Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ kết luận về bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, Ban Tổ chức Thành uỷ phối hợp với Văn phòng Thành ủy dự thảo quyết định bổ nhiệm để Thường trực Thành ủy ký ban hành hoặc thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy đến các cơ quan liên quan để thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo quy định. Trường hợp đặc biệt, phải báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Điều 23. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Quy trình nhân sự gồm 5 bước; thành phần hội nghị ở mỗi bước quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này; từng hội nghị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

1.1. Bước 1: Trên cơ sở chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ quy hoạch, người đứng đầu chủ trì cùng tập thể lãnh đạo thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch (gồm cả cán bộ được quy hoạch chức danh tương đương trở lên), thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để lấy ý kiến giới thiệu ở bước tiếp theo.

1.2. Bước 2: Căn cứ số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và danh sách nhân sự đã thông qua ở bước 1, người đứng đầu trao đổi định hướng nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử phù hợp với yêu cầu của địa phương, đơn vị để hội nghị thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín (kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị này).

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn:

Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

1.3. Bước 3: Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở bước 2 hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Người nào đạt số phiếu cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo (kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này). Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Trường hợp nhân sự giới thiệu ở bước này khác với nhân sự được giới thiệu ở bước 2 thì tập thể lãnh đạo họp, thảo luận, phân tích kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt, xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự để giới thiệu ở bước tiếp theo (bằng phiếu kín) theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Người được lựa chọn phải có số phiếu giới thiệu ít nhất 2/3 trở lên của tổng số thành viên tập thể lãnh đạo theo quy định. Trường hợp không có người đạt số phiếu ít nhất 2/3 thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

1.4. Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến giới thiệu nhân sự theo danh sách đã được giới thiệu ở bước 3 (kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị này).

- Trình tự lấy ý kiến:

+ Thông báo danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; đánh giá, nhận xét ưu, khuyết điểm, triển vọng phát triển và dự kiến lĩnh vực phân công công tác.

+ Ghi phiếu giới thiệu nhân sự (có thể ký hoặc không ký tên).

1.5. Bước 5:

Trên cơ sở ý kiến đánh giá, nhận xét (bằng văn bản) của ban thường vụ đảng uỷ (đảng uỷ cơ quan đối với những nơi không có ban thường vụ); kết quả lấy phiếu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nguyên tắc lựa chọn:

- Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 2 người có số phiếu ngang nhau đạt tỉ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự để trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này).

- Cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, đề xuất, lựa chọn, giới thiệu nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

* Riêng đối với giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng, Bước 5 thực hiện như sau:

(1) Bước 5.1: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy xem xét kết quả giới thiệu nhân sự tại bước 4 và cho ý kiến về nhân sự trước khi trình Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (lần 2).

(2) Bước 5.2: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (lần 2) cho ý kiến về nhân sự ở bước 4 trên cơ sở đề nghị của Ban Thường vụ Thành ủy.

(3) Bước 5.3: Trên cơ sở ý kiến tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín).

* Bước 5.1 và 5.2: Hội nghị thảo luận thống nhất ý kiến, không phải thực hiện lấy ý kiến bằng phiếu.

2. Đối với nhân sự điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác

Trường hợp nhân sự do cấp có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ngoài địa phương, cơ quan, đơn vị thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các công việc sau:

2.1. Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

2.2. Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử (người được giới thiệu phải đạt số phiếu trên 50% so với tổng số người được triệu tập; trường hợp người được giới thiệu có số phiếu đạt tỉ lệ 50% thì do người đứng đầu xem xét, quyết định); lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2.3. Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nhưng địa phương, cơ quan, đơn vị (nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Trường hợp nhân sự do cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện quy trình tương tự như quy trình điều động cán bộ nêu tại Điều 38 của Quy định này.

4. Trường hợp bổ sung đảng đoàn, ban cán sự đảng: Đối với chức danh có cơ cấu tham gia đảng đoàn, ban cán sự đảng thì khi đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, đồng thời đề xuất chỉ định tham gia đảng đoàn, ban cán sự đảng theo quy định.

5. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định tại khoản 2, Điều này.

Điều 24. Bổ sung các chức danh lãnh đạo đảng, chính quyền quận, huyện và cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy

1. Khi cần bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ cấp ủy (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) còn thiếu so với số lượng, cơ cấu mà đại hội quyết định hoặc trong khung số lượng do Trung ương hoặc Ban Thường vụ Thành ủy quy định, thì các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét, quyết định mà không phải xin chủ trương.

Đối với nhân sự đã được đại hội, hội nghị cấp ủy giới thiệu vào danh sách bầu cử cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì

việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội ít nhất 12 tháng.

2. Đối với việc kiện toàn bổ sung các chức danh bí thư, phó bí thư cấp ủy, ủy viên ban thường vụ quận ủy, huyện ủy, đảng ủy khối; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân quận, huyện; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện thì các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy phải báo cáo Thường trực Thành ủy xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

Điều 25. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của các quận ủy, huyện ủy; đảng ủy trực thuộc Thành ủy; ban, sở, ngành thành phố

Ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; ban thường vụ quận ủy, huyện ủy và đảng ủy trực thuộc Thành ủy căn cứ Điều 22, Điều 23 của Quy định này cụ thể hóa quy trình, thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý và hướng dẫn cấp dưới thực hiện.

Điều 26. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc thực hiện công tác hiệp y nhân sự với cấp ủy, địa phương trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đó tại địa phương.

2. Cơ quan, đơn vị không tổ chức theo ngành dọc thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (không quản lý trực tiếp) thuộc thẩm quyền quản lý của cấp uỷ địa phương theo quy định, trừ trường hợp khác có quy định riêng của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Thành ủy.

Chương IV

BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 27. Nguyên tắc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Khi hết thời hạn giữ chức vụ theo quy định, cấp có thẩm quyền phải xem xét có hay không bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái ứng cử.

- Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khỏe không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước... thì các cơ quan tham mưu đề xuất và cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

- Nếu không được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc không có lý do khách quan, khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm mà đơn vị, cá nhân chưa hoàn thành thủ tục bổ nhiệm lại thì cán bộ tạm thời ngừng điều hành theo chức vụ đang giữ cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm lại hoặc bố trí công tác khác.

2. Đối với cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật mà không thuộc diện phải xem xét miễn nhiệm, cho từ chức theo Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, thảo luận dân chủ, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt về phẩm chất, năng lực, uy tín; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm và tính chất, mức độ ảnh hưởng, tác động, kết quả khắc phục hậu quả (nếu có),... xem xét, cân nhắc việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử.

3. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái ứng cử được tiến hành từng bước, phù hợp quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu của từng địa phương, lĩnh vực, ban, sở, ngành, đơn vị; bảo đảm ổn định và hiệu quả thiết thực.

Điều 28. Điều kiện xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ và đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Địa phương, cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

3. Đủ sức khoẻ để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

Điều 29. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, kéo dài thời gian giữ chức vụ.

2. Ban Thường vụ Thành uỷ uỷ quyền cho Thường trực Thành uỷ xem xét, bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý.

Những trường hợp cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý xét thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại phải báo cáo Ban Thường vụ Thành uỷ xem xét, quyết định.

Ban Tổ chức Thành uỷ và các ban liên quan của Thành uỷ tham mưu, kịp thời phát hiện và đề xuất với Ban Thường vụ Thành ủy các trường hợp cần thay thế, miễn nhiệm và các trường hợp không đủ điều kiện bổ nhiệm lại.

3. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định không còn đủ thời gian công tác 5 năm, thực hiện như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn từ 2 năm công tác trở lên, thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

- Trường hợp còn dưới 2 năm công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ đủ sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì thống nhất biểu quyết (bằng phiếu kín), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

4. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương hoặc cao hơn.

Điều 30. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, Ban Tổ chức Thành ủy được ủy quyền ban hành văn bản gửi cơ quan nơi cán bộ công tác để thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại.

2. Cán bộ làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, việc thực hiện chức trách, mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

3. Hội nghị cán bộ chủ chốt địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (bằng phiếu kín) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (thành phần hội nghị nêu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này).

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ nhận xét, đánh giá và đề xuất ý kiến có bổ nhiệm lại hay không. Tập thể lãnh đạo và tập thể cấp ủy thảo luận, xem xét, bỏ phiếu kín quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

Cán bộ được trên 50% số người được triệu tập ở các hội nghị đồng ý thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại; trường hợp số phiếu đạt tỉ lệ 50% phiếu đồng ý thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp dưới 50% phiếu đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (theo Phụ lục 3 kèm theo Quy định này) báo cáo Thường trực Thành ủy (qua Ban Tổ chức Thành ủy) xem xét, quyết định.

Chương V

MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC ĐỐI VỚI CÁN BỘ

Điều 31. Nguyên tắc, thẩm quyền

1. Nguyên tắc:

Kiên quyết, kịp thời xem xét cho miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho từ chức thuộc trường hợp phải miễn nhiệm.

2. Thẩm quyền:

- Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét cho cán bộ miễn nhiệm, từ chức.

- Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất việc cho miễn nhiệm, từ chức.

- Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo quy định.

Điều 32. Căn cứ xem xét miễn nhiệm

Việc xem xét miễn nhiệm cán bộ được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao.

2. Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn bổ nhiệm.

3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

4. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 33. Căn cứ xem xét từ chức

Việc xem xét đối với cán bộ xin từ chức được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Do hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Để cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng.

3. Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

4. Vì lý do chính đáng khác của cá nhân.

Điều 34. Căn cứ xem xét việc miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu

Việc xem xét miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực; căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Miễn nhiệm đối với người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.

2. Người đứng đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực thì tùy tính chất, mức độ sai phạm để xem xét cho từ chức.

3. Cho từ chức đối với người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng.

Điều 35. Bố trí cán bộ sau khi bị miễn nhiệm, từ chức, bị kỷ luật: Thực hiện theo Quy định riêng của Ban Thường vụ Thành ủy.

Chương VI

ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 36. Mục đích, yêu cầu

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 37. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định

1. Đối tượng:

Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Phạm vi:

Giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang trong hệ thống chính trị.

3. Thẩm quyền:

Thẩm quyền quyết định điều động và biệt phái cán bộ thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Thành uỷ.

Khi cần thiết, Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhận chức vụ thuộc diện

Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tại các địa phương, cơ quan, đơn vị. Ban Tổ chức Thành uỷ phối hợp với người đứng đầu và tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị (nơi đi và nơi đến) và các cơ quan liên quan trong việc tham mưu điều động, biệt phái đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

Điều 38. Quy trình điều động và biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

1.2. Quy trình điều động:

Cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

a) Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động cán bộ.

b) Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động cán bộ (người được giới thiệu phải đạt số phiếu trên 50% so với tổng số người được triệu tập; trường hợp người được giới thiệu có số phiếu đạt tỉ lệ 50% thì do người đứng đầu xem xét, quyết định); lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

c) Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nhưng địa phương, cơ quan, đơn vị (nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ tổng hợp, báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Biệt phái cán bộ

2.1. Căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái phối hợp với cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

2.3. Quy trình biệt phái:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác và tiếp nhận cán bộ biệt phái.

- Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

- Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.4. Việc biệt phái sĩ quan trong lực lượng vũ trang và cán bộ cơ quan Trung ương thực hiện nhiệm vụ đặc thù theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định điều động, biệt phái của cấp có thẩm quyền.

Điều 40. Chế độ, chính sách đối với cán bộ được điều động và biệt phái

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác và sinh hoạt. Cán bộ được điều động và biệt phái được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

2. Cán bộ được điều động và biệt phái đến những vùng khó khăn như miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được ưu tiên giải quyết trước thời hạn một số chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, Nhà nước và của thành phố.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Thành uỷ và các cơ quan liên quan quy định chế độ, chính sách cụ thể.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Căn cứ các quy định của Đảng, Nhà nước và Quy định này, các quận ủy, huyện ủy và đảng ủy trực thuộc Thành ủy; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị quy định cụ thể việc phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử, tái cử của cấp mình và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới.

Điều 42. Đối với việc giới thiệu nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định riêng của Trung ương.

Điều 43. Ban Tổ chức Thành uỷ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quy định số 499-QĐ/TU, ngày 30/12/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và các quy định trước đây về phân cấp quản lý cán bộ, về bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Lê Tiến Châu

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương (để báo cáo);
- Ban Tổ chức Trung ương (để báo cáo);
- Các đảng bộ trực thuộc Thành uỷ;
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn;
- Các ban, cơ quan của Thành ủy;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố;
- Các đồng chí Uỷ viên Thành uỷ;
- Lưu Văn phòng Thành uỷ.

Phụ lục 1
CHỨC DANH CÁN BỘ DO BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY, THƯỜNG TRỰC THÀNH ỦY, BAN CÁN SỰ ĐẢNG ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, ĐẢNG ĐOÀN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ VÀ CHO Ý KIẾN

I. Chức danh do Ban Thường vụ Thành uỷ trực tiếp quản lý, quyết định hoặc cho ý kiến

1. Cấp thành phố

1.1. Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.

1.2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng.

1.3. Trưởng, phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành uỷ (Văn phòng, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ban Nội chính); Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ; Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập Báo Hải Phòng; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Tô Hiệu; Thư ký đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy; Phó Trưởng Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ thành phố.

1.4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và trưởng, phó các tổ chức chính trị - xã hội thành phố (Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố).

1.5. Chánh, Phó Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; trưởng, phó trưởng ban các ban của Hội đồng nhân dân thành phố.

1.6. Chánh, Phó Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố; giám đốc, phó giám đốc các sở, ngành; Giám đốc, Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng; Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban quản lý Khu Kinh tế thành phố.

2. Cấp huyện

2.1. Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ quận uỷ, huyện uỷ.

2.2. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân quận, huyện; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện.

3. Đảng ủy khối: Bí thư, phó bí thư.

4. Đảng ủy cấp trên cơ sở: Bí thư.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự, Công an, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố

5.1. Bí thư, Phó Bí thư Đảng uỷ: Quân sự, Công an, Bộ đội Biên phòng thành phố.

5.2. Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính uỷ, Phó Chính uỷ Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ đội Biên phòng thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc Công an thành phố.

5.3. Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố; Chánh án, Phó Chánh án Toà án nhân dân thành phố.

II. Chức danh cán bộ Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền cho Thường trực Thành ủy quản lý, quyết định hoặc cho ý kiến

1. Bí thư, phó bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng; Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Bí thư, phó bí thư các đảng uỷ cơ sở trực thuộc Thành uỷ.

3. Phó bí thư đảng uỷ cấp trên cơ sở.

4. Ủy viên ban thường vụ đảng ủy khối trực thuộc Thành ủy.

5. Chủ tịch Hội đồng, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

6. Người đứng đầu các hội quần chúng cấp thành phố do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội đặc thù).

7. Cấp trưởng và cấp phó các đơn vị: Cục Hải quan, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đông Bắc, Cục Thuế, Cục Thống kê, Cục Thi hành án dân sự, Cục Quản lý thị trường, Bảo hiểm Xã hội thành phố, Kho bạc Nhà nước thành phố.

8. Chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, tổng giám đốc, giám đốc các doanh nghiệp có tổ chức đảng trực thuộc Đảng bộ thành phố.

9. Giám đốc, phó giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hải Phòng; các ngân hàng thương mại có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ thành phố.

10. Chủ tịch Hội đồng, Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Trường Đại học Y - Dược Hải Phòng.

11. Người đại diện phần vốn nhà nước tham gia hội đồng thành viên, hội đồng quản trị và giữ chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc) tại các doanh nghiệp mà nhà nước góp vốn có vốn điều lệ từ 20 triệu USD trở lên (có bên nước ngoài tham gia góp vốn); có vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng trở lên (chỉ có các bên trong nước tham gia góp vốn). Người đại diện phần vốn của Thành ủy tại các doanh nghiệp có vốn góp

của Thành ủy và cán bộ quản lý doanh nghiệp tại các doanh nghiệp Thành ủy nắm giữ 100% vốn điều lệ.

12. Đại biểu Quốc hội đương nhiệm.

III. Chức vụ do Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quản lý, quyết định (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý)

1. Các chức danh cán bộ khối chính quyền, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thành phố, cán bộ cử sang liên doanh với nước ngoài, liên doanh trong nước.

2. Cấp phó các hội quần chúng cấp thành phố do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (hội đặc thù) và lãnh đạo các hội khác cấp thành phố.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng; Phó Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp; Hiệu trưởng các trường cao đẳng trực thuộc thành phố; Giám đốc - Tổng Biên tập, Phó giám đốc - Phó Tổng Biên tập Nhà xuất bản Hải Phòng.

4. Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ; Thầy thuốc, Nhà giáo, Nghệ sĩ Nhân dân; Thầy thuốc, Nhà giáo, Nghệ sĩ Ưu tú; Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân Nhân dân; các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành của thành phố đang công tác.

5. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố quy định phân cấp cụ thể cho các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

IV. Chức vụ do Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố trực tiếp cho ý kiến

- Trưởng ban, Phó Trưởng ban các ban của Hội đồng nhân dân thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố.

- Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân các quận, huyện.

PHỤ LỤC 2
THÀNH PHẦN THAM DỰ Ở CÁC BƯỚC TRONG QUY TRÌNH BỔ NHIỆM, GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ ĐỐI VỚI CÁN BỘ DIỆN THÀNH ỦY QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ

---

1. Đối với các chức danh diện Trung ương quản lý: Thực hiện theo Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm giới thiệu cán bộ ứng cử.

2. Đối với các chức danh Ủy viên Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy chuyên trách, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

a) Bước 1: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy (lần 1): Đồng chí Bí thư Thành ủy và tập thể Ban Thường vụ Thành ủy.

b) Bước 2: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (lần 1).

c) Bước 3: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy (lần 2): Thành phần như Bước 1.

d) Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt: Các đồng chí Ủy viên Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng; trưởng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố; bí thư các đảng bộ trực thuộc Thành ủy; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân các quận, huyện.

đ) Bước 5:

(5.1) Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy (lần 3).

(5.2) Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (lần2).

3. Đối với các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng.

a) Bước 1: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy (lần 1): Đồng chí Bí thư Thành ủy và tập thể Ban Thường vụ Thành ủy.

b) Bước 2: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (lần 1).

c) Bước 3: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy (lần 2): Thành phần như Bước 1.

d) Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt: Các đồng chí Ủy viên Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng; trưởng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành

phố; bí thư các đảng bộ trực thuộc Thành ủy; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân các quận, huyện.

đ) Bước 5:

(5.1) Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy (lần 3).

(5.2) Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (lần 2).

(5.3) Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy (lần 4).

4. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội đặc thù thành phố

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1): Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội (nơi có thành lập đảng đoàn); Ban Thường vụ Thành đoàn; tập thể lãnh đạo (cấp trưởng, cấp phó) các hội nơi không thành lập đảng đoàn.

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo "mở rộng": Tập thể lãnh đạo, ban chấp hành của các tổ chức chính trị - xã hội (đối với Mặt trận Tổ quốc thành phố là Ban Thường trực); ủy viên đảng ủy (chi ủy), trưởng các ban và tương đương trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2): Thành phần như Bước 1.

d) Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt và cấp uỷ cơ quan, đơn vị: Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội (nơi có thành lập đảng đoàn); Ban Chấp hành Thành đoàn; tập thể lãnh đạo (cấp trưởng, cấp phó) các hội nơi không thành lập đảng đoàn; ủy viên đảng uỷ (chi uỷ); trưởng, phó các ban và tương đương trực thuộc; bí thư các chi bộ; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị.

đ) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 3): Tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự.

5. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của các ban, sở, ngành thành phố và tương đương

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1): Cấp trưởng và cấp phó cơ quan, đơn vị (đối với các đơn vị sự nghiệp bao gồm chủ tịch hội đồng).

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo "mở rộng": Tập thể lãnh đạo, ủy viên đảng ủy (chi ủy); trưởng các phòng và tương đương, trưởng các đơn vị trực thuộc, cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2): Thành phần như Bước 1.

d) Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt và cấp uỷ cơ quan, đơn vị: Tập thể lãnh đạo, ủy viên đảng ủy (chi ủy); trưởng, phó các phòng và tương đương, trưởng các

đơn vị trực thuộc, bí thư các chi bộ và cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị.

đ) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 3): Thành phần như Bước 1.

6. Đối với các chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân thành phố

a) Bước 1: Hội nghị Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố (lần 1).

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo "mở rộng": Tập thể Đảng đoàn, Ủy viên đảng ủy cơ quan; trưởng ban, phó trưởng ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng.

c) Bước 3: Hội nghị Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố (lần 2).

d) Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt: Tập thể đảng đoàn, ủy viên đảng ủy; trưởng ban, phó trưởng ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan.

đ) Bước 5: Hội nghị Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố (lần 3)

7. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của đảng bộ quận, huyện, đảng bộ khối và đảng bộ cấp trên cơ sở

a) Bước 1: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy (lần 1): Đồng chí bí thư cấp ủy và tập thể ban thường vụ.

b) Bước 2: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ: Ủy viên ban chấp hành đảng bộ.

c) Bước 3: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy (lần 2).

d) Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt:

- Đảng bộ quận, huyện: Ủy viên ban chấp hành; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân quận, huyện; trưởng các phòng, ban và tương đương; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương của quận, huyện; bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; bí thư đảng ủy, chi bộ trực thuộc quận ủy, huyện uỷ; trưởng cơ quan ngành dọc của thành phố đóng trên địa bàn và sinh hoạt đảng tại đảng bộ quận, huyện.

- Đảng bộ khối: Ủy viên ban chấp hành; trưởng, phó các ban, văn phòng đảng uỷ; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội (khối và cơ quan); bí thư đảng ủy, chi bộ trực thuộc.

- Đảng bộ doanh nghiệp: Ủy viên ban chấp hành; chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc), các thành viên hội đồng thành viên (hội đồng quản trị) của tổng công ty (công ty); trưởng, phó các ban, văn phòng đảng uỷ; trưởng, phó các phòng, ban và tương

đương; trưởng các đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội tổng công ty (công ty); bí thư đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

- Đảng bộ các đơn vị sự nghiệp: Ủy viên ban chấp hành; chủ tịch hội đồng; cấp trưởng, cấp phó đơn vị; trưởng, phó ban, văn phòng đảng uỷ; trưởng, phó các phòng, ban và tương đương; trưởng các đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị; bí thư đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

- Đảng bộ các đơn vị lực lượng vũ trang: Thực hiện theo hướng dẫn của Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương.

đ) Bước 5: Hội nghị ban chấp hành hoặc ban thường vụ (theo thẩm quyền)

- Đảng bộ quận, huyện:

+ Hội nghị ban chấp hành: Biểu quyết giới thiệu nhân sự đối với các chức danh bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành, ủy viên ủy ban kiểm tra quận ủy, huyện ủy chuyên trách.

+ Hội nghị ban thường vụ: Biểu quyết giới thiệu nhân sự đối với các chức danh: Phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân.

- Đảng bộ khối và các đảng bộ cấp trên cơ sở: Hội nghị ban chấp hành biểu quyết giới thiệu nhân sự đối với các chức danh: Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành.

8. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của đảng bộ cơ sở trực thuộc Thành ủy

a) Bước 1: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy (lần 1): Đồng chí bí thư cấp ủy và tập thể ban thường vụ.

b) Bước 2: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 1): Các đồng chí ủy viên ban chấp hành.

c) Bước 3: Hội nghị ban thường vụ (lần 2): Đồng chí bí thư cấp ủy và tập thể ban thường vụ.

d) Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt:

Ủy viên Ban chấp hành; chủ tịch hội đồng; cấp trưởng, cấp phó đơn vị; chủ tịch Hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc), các thành viên hội đồng thành viên (hội đồng quản trị, Hội đồng quản lý); trưởng, phó ban, văn phòng đảng uỷ; trưởng, phó các phòng, ban và tương đương; trưởng các đơn vị trực thuộc; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị; bí thư đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

đ) Bước 5: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 2): Thành phần như Bước 2.

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ

I. Hồ sơ nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và Biên bản kiểm phiếu ở các bước.

2. Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.

3. Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

4. Đánh giá, nhận xét của chi bộ, đảng uỷ cơ quan nơi công tác.

5. Nhận xét của cấp uỷ nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ; phiếu khai bổ sung lý lịch người thân hiện công tác, lao động, học tập, cư trú ở nước ngoài (nếu có).

6. Kết luận tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

7. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).

8. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; quyết định tuyển dụng công chức, viên chức... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

Trường hợp văn bằng do cở sở đào tạo nước ngoài cấp phải có giấy công nhận hoặc văn bản trả lời của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

9. Giấy khám sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

* Số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ báo cáo Thường trực Thành ủy: 08 bộ hồ sơ đầy đủ.

- Hồ sơ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy: 08 bộ hồ sơ đầy đủ; 20 sơ yếu lý lịch 2C và 20 tờ trình đề nghị của cấp ủy, cơ quan, đơn vị.

* Lưu ý:

Các tài liệu nêu tại Mục 2,3,4,5,7,9 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét; Mục 6 tại thời điểm thực hiện quy trình công tác cán bộ.

II. Hồ sơ miễn nhiệm, từ chức

1. Báo cáo của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ về việc đề nghị miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.

2. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.

3. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền; biên bản hội nghị và các tài liệu có liên quan (nếu có).

4. Đơn của cán bộ xin từ chức.

Số lượng hồ sơ báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy: 08 bộ đầy đủ.